

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**
Bản án số: 189/2023/DSPT

Ngày: 27/4/2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản, nợ tài sản*”.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đ.N.L

Các Thẩm phán:

Ông T.C.A

Ông V.T.G

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông N.V.H – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà T.T.N- Kiểm sát viên.

Ngày 24/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 449/2022/DSPT ngày 07/11/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, nợ tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 23/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã ST bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2023/QĐ-PT ngày 23/3/2023; giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Khuất Thị Phương A; sinh năm: 1982; địa chỉ: Khu phố 8, phường Trung Sơn T, thị xã ST, Thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phương A có bà Nhâm Thị L, sinh năm: 1978; địa chỉ liên hệ: Số nhà 61, ngõ 12 đường Đ, phường C, quận BD, Thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Phương A có Luật sư Hoàng Thị C - Văn phòng Luật sư H – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Số nhà 61, ngõ 12 đường Đ, phường C, quận BD, Thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà Ngô Thị N; sinh năm: 1961; địa chỉ: Số nhà 98 tổ dân phố 2, phường Trung Sơn T, thị xã ST, Thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa

3. Người kháng cáo: Bà Ngô Thị N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn là bà Khuất Thị Phương A trình bày:

Do có quan hệ quen biết bà Ngô Thị N . Năm 2017 bà Ngô Thị N thường xuyên sang cửa hàng thuốc của chị để mua nợ thuốc tây, sau đó bà N hỏi vay tiền để đi chữa căn bệnh hiểm nghèo cho bà N và con gái, đồng thời bà N nhiều lần tâm sự, bà đang theo đuổi vụ kiện tranh chấp đất đai để đòi lại tài sản, cho đến khi thắng kiện bà N sẽ chuyển nhượng một phần diện tích đất, để trả nợ cho bà Phương A . Vì tin tưởng nên trong năm 2017 bà N vay tổng thể năm lần, được thể hiện tại các giấy ghi nhận nợ bà N tự viết cụ thể sau:

Lần 1: Ngày 02/9/2017 vay số tiền là: 50.000.000 đồng.

Lần 2: Vay ngày 05/9/2017 số tiền là: 420.000.000 đồng.

Lần 3: Vay ngày 18/9/2017 số tiền là: 300.000.000 đồng.

Lần 4: Vay ngày 10/10/2017 số tiền là: 400.000.000 đồng.

Lần 5: Vay ngày 25/12/2017 vay số tiền là: 800.000.000 đồng.

Năm 2018 bà N mang một số giấy về đất đai cho bà Khuất Thị Phương A giữ, như sơ đồ địa chính thửa đất ngày 19/6/2018 gồm các ban ngành UBND phường Trung Sơn T và UBND thị xã ST đo đạc diện tích đất của Bà N , có tổng thể phần diện tích đất của bà N cùng ông C (em trai bà N), thể hiện tổng diện tích: 1157.3m² và bản đồ thửa, kèm theo bản án số: 08/2018/DSST ngày 25/12/2018 Tòa án nhân dân thị xã ST để củng cố thêm niềm tin tiếp tục cho vay tiền. Đồng thời bà N chỉ cho bà Phương A nhìn thấy khối tài sản là diện tích đất hàng trăm m², mà bà N được hưởng thừa kế từ mẹ đẻ và đòi được từ ông Phùng văn T , nên bà N tiếp tục đề nghị vay tiền, bà Phương A đồng ý cho bà N tiếp tục vay tiền, nhưng hai bên không làm hợp đồng thế chấp tài sản, cụ thể các lần vay năm 2018 như sau:

Lần 1: Ngày 08/5/2018 Bà Ngô Thị N vay số tiền là: 30.000.000 đồng, bà Ngô Thị N tự cộng tổng thể số tiền nợ là: 1.970.000.000 đồng vay năm 2017. Ghi giấy vay nợ là: 2.000.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 06/7/2018 bà Ngô Thị N vay số tiền là: 500.000.000 đồng. Bà N ghi tổng số nợ là: 2.500.000.000 đồng.

Ngoài số tiền vay của bà Phương A , bà N nhiều lần mua nợ thuốc tây của bà Phương A , tổng số tiền là: 100.570.000 đồng.

Bà Khuất Thị Phương A yêu cầu bà Ngô Thị N phải trả tổng số tiền là 2.600.570.000 đồng (*hai tỷ, sáu trăm triệu, năm trăm bảy mươi nghìn đồng*). Trong đó 2.500.000.000 đồng (*hai tỷ năm trăm triệu đồng chẵn*) là tiền đã vay nợ và 100.570.000 đồng (*một trăm triệu, năm trăm bảy mươi nghìn đồng*) tiền nợ mua thuốc tây chưa trả. Bà Khuất Thị Phương A, không yêu cầu bà Ngô Thị N phải trả lãi suất đối với khoản tiền đã vay.

Quá trình tố tụng tại Tòa án và các tài liệu có trong hồ sơ bị đơn là bà Ngô Thị N trình bày:

Bà N có quan hệ với bà Phương A là hàng xóm thân quen, bà Phương A làm nghề bán thuốc tây, vào thời điểm năm 2017 và 2018 bà N vay tiền nhiều

lần có lúc bà vay năm triệu, mười triệu, nhiều nhất vay hai mươi triệu, mỗi lần vay đều viết giấy biên nhận. Các lần vay bà đều chưa trả được, cộng tất cả các lần vay thì lại viết cái cuối làm căn cứ. Bà Phương A không trả lại giấy cũ mà giữ luôn, trong giấy không ghi lãi suất nhưng bà Phương A đều ghi tăng lên rất nhiều lần, đều theo lời đọc của bà Phương Anh, nếu không ghi như vậy thì bà Phương A không cho vay. Khi bà N vay tinh thần và thể trạng bà khỏe mạnh bình thường. Bà thừa nhận các giấy biên nhận vay nợ tiền như bà Phương A trình bày đều do bà viết là đúng cụ thể như sau: Ngày 02/9/2017 vay 50 triệu đồng; Ngày 05/7/2017 vay 70 triệu đồng; Ngày 05/9/2017 vay 350 triệu đồng; Ngày 18/9/2017 vay 300 triệu đồng; Ngày 12/12/2017 vay 400 triệu đồng; Ngày 25/12/2017 vay 800 triệu đồng; Ngày 08/5/2018 vay 2.000.000.000,đ (Hai tỉ đồng chẵn); Ngày 06/7/2018 vay 2.500.000.000,đ (Hai tỉ, năm trăm triệu đồng).

Bà N trình bày là con gái bà là Ngô Thị Khánh L bị bệnh có phải đi chữa trị tại bệnh viện, tuy nhiên chưa phải phẫu thuật mổ, nên lượng tiền chỉ hết hơn trăm triệu. Bà có kiện tụng nhiều năm nay về tranh chấp đất đai với cậu ruột là Phùng Văn T tại Tòa án thị xã ST sau đó Tòa án thành phố và Tòa án cấp cao xét xử, biết được bà là người thắng kiện và đất có giá trị cao nên bà Phương A mới đọc cho bà ghi số tiền vay như vậy. Bà N thừa nhận có vay tiền của bà Khuất Thị Phương A. Nhưng bà N không thừa nhận vay số tiền là 2.500.000.000 đồng. Bà N chỉ thừa nhận vay số tiền mặt là khoảng 250.000.000, đồng và tổng số tiền thuốc đã mua chưa trả là 100.570.000 đồng, đây là số tiền thuốc bà N có ký vào sổ thuốc khi mua của bà Phương A.

Quá trình tiến hành tố tụng tại Tòa án, Tòa án đã tiến hành hòa giải các bên tranh chấp đều thừa nhận có cho vay và có vay tiền, nhưng không thống nhất số tiền vay.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 13/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã ST đã Xử:

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Khuất Thị Phương A. Buộc bà Ngô Thị N phải trả cho bà Khuất Thị Phương A số tiền là 2.600.570.000đ (hai tỷ sáu trăm triệu, năm trăm bảy mươi nghìn đồng).

* Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm ngày 28/9/2022, bà Ngô Thị N làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 24/2021/DS-ST ngày 27/12/2021 của Tòa án nhân dân quận CG .

Tại phiên hôm nay:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nhâm Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Chung trình bày bản luận cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Phương A và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 giữ nguyên nội dung của án dân sự sơ thẩm.

Bà Nhâm Thị L thống nhất với ý kiến trình bày của Luật sư Chính không trình bày bổ sung gì thêm.

Bị đơn là bà Ngô Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thực tế bà có vay tiền của chị Phương A để đi khám chữa bệnh có con và cho bà N những không thể vay chị Phương A số tiền nhiều như vậy. về số tiền nợ mua thuốc bà N thừa nhận có đến mua thuốc tại cửa hàng của chị Phương A và nợ tiền mua thuốc nhưng bà N không nhớ chính xác số tiền mình đã nợ là bao nhiêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng, đầy đủ các bước tố tụng theo quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án.

Các đương sự chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định nên được coi là hợp lệ về hình thức.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Nhận thấy:

1. Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định tại Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã ST vì tại thời điểm khởi kiện cũng như trong quá trình Tòa án nhân dân thị xã ST giải quyết vụ án bị đơn bà Ngô Thị N có địa chỉ tại: Số nhà 98 tổ dân phố 2, phường Trung Sơn T, thị xã ST, Thành phố Hà Nội.

Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào các tài liệu khởi kiện của nguyên đơn cung cấp; Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ tài sản là có căn cứ.

Về trình tự tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án tại phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 29/6/2021 bà Ngô Thị N xuất trình đơn đề nghị tạm đình chỉ giải quyết vụ án ghi ngày 24/6/2021 với lý do trong vụ án này bà đã có đơn tố cáo bà Khuất Thị Phương A đến Cơ quan Điều Tra Công an thị xã ST về việc bà Phương A có vi phạm pháp luật hình sự trong quá trình cho bà vay tài sản; Hội đồng xét xử sơ thẩm đã ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số 01/2021, ngày 29/6/2021 với lý do bà N xuất trình chứng cứ mới, Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử tạm đình chỉ giải quyết vụ án. Quá trình thụ lý và giải quyết đơn tố cáo của Cơ quan Điều tra Công an thị xã ST đã ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 111/QĐ-CQĐT, ngày 28/7/2022, lúc đó Tòa án nhân dân thị xã ST mới có căn cứ ra quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự và xét xử sơ thẩm vụ án là có căn cứ.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn là bà Ngô Thị N kháng cáo toàn bộ bản án, Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành thụ lý vụ án và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về hình thức: Bị đơn làm đơn kháng cáo trong hạn luật định về hình thức là hợp lệ.

Tại phiên tòa ngày hôm nay các đương sự không xuất trình được thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

3. Về nội dung: *Xét kháng cáo của bà Ngô Thị N*

Theo các giấy vay tiền có trong hồ sơ vụ án có nội dung: Ngày 02/9/2017 vay số tiền 50.000.000 đồng; ngày 05/9/2017 có 2 giấy vay tiền 70.000.000 đồng và 350.000.000 đồng; ngày 18/9/2017 vay số tiền là: 300.000.000 đồng; Ngày 10/10/2017 vay số tiền là 400.000.000 đồng; Ngày 25/12/2017 vay số tiền là: 800.000.000 đồng. Tổng số tiền vay năm 2017 là 1.970.000.000 đồng. Các giấy vay nợ trên đều có nội dung bà N vay tiền của chị Phương A mục đích vay tiền đi chữa bệnh và hẹn trả lại tiền khi nhận tiền đền bù đất đang có tranh chấp tại Tòa, các giấy vay tiền đều do bà N viết và ký nhận.

Giấy vay nợ ngày 8/5/2018 nội dung: bà N vay của chị Phương A tổng các lần vay 2 tỷ chẵn từ năm 2009 đến nay, hẹn hoàn trả khi giải quyết xong ở Tòa nhận tiền hỗ trợ đền bù. Giấy vay nợ do bà N viết và ký.

Giấy vay nợ ngày 6/7/2018 nội dung: bà N vay của chị Phương A số tiền 2,5 tỷ để lấy tiền nộp án phí và đi chữa bệnh hiểm nghèo cho 2 mẹ con ở bệnh viện Bạch Mai, hẹn hoàn trả tiền cho chị Phương A khi tòa giải quyết xong tranh chấp đất đai với ông Thạch và bà N nhận tiền đền bù hỗ trợ giải phóng mặt đường. Giấy vay nợ do bà N viết và ký.

Về phần nợ tài sản: Ngoài số tiền vay của bà Phương A, bà N nhiều lần mua nợ thuốc tây của bà Phương A, có ghi chép sổ theo dõi và ký nhận. Bà N xác nhận có nợ tiền mua thuốc tây của bà Phương A tổng số tiền là: 100.570.000 đồng (Một trăm triệu, năm trăm bảy mươi nghìn đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với các giấy vay nợ trên đều thể hiện là vay không có lãi và thời hạn trả nợ là khi Tòa án giải quyết xong tranh chấp đất đai giữa bà N với ông Thạch và bà N nhận tiền đền bù hỗ trợ giải phóng mặt đường. Tài liệu trong hồ sơ thể hiện có bản án phúc thẩm số 328/DS-PT ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử về tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn là bà Ngô Thị N và bị đơn là ông Phùng Văn T nên căn cứ vào các giấy vay tiền, chị Phương A có quyền đòi lại số tiền cho bà N vay.

Về số tiền cụ thể cho vay: Nguyên đơn là chị Phương A trình bày đối với giấy vay tiền ngày 08/5/2018 thì bà N có vay thêm 30.000.000 đồng và bà N tự cộng tổng thể số tiền nợ 1.970.000.000 đồng vay năm 2017 và ghi giấy vay nợ là: 2.000.000.000 đồng. Đối với giấy nhận nợ ngày 06/7/2018, bà N vay số tiền là: 500.000.000 đồng và ghi tổng số nợ là 2.500.000.000 đồng. Vì vậy chị Phương A yêu cầu bà N trả cho chị 2.500.000.000 đồng, không tính lãi. Bị đơn là bà N trình bày chỉ vay nợ của chị Phương A 250.000.000 đồng, mỗi lần vay nợ chị Phương A đều yêu cầu bà N ghi gấp 10 lần số tiền thực vay, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm bà N đều không có tài liệu chứng minh. Quá trình giải quyết vụ án, bà N có đơn tố cáo hành vi cho vay nặng lãi của chị Phương A tại cơ quan điều tra. Ngày 28/7/2022, Cơ quan Điều tra Công an thị xã ST đã ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 111/QĐ-CQĐT đối với tố giác về tội phạm “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định chị Phương A có cho bà N vay số tiền 2.500.000.000 đồng như các giấy vay nợ bà N đã ký nhận.

Về hiệu lực của giấy vay nợ: Khi tham gia ký vào các giấy vay nợ, bà Ngô Thị N và chị Khuất Thị Phương A đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, thể hiện đúng ý chí của các bên khi tham gia giao dịch, nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực thi hành. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Khuất Thị Phương A buộc buộc bà Ngô Thị N phải trả chị Phương A số tiền 2.500.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với số tiền mua thuốc tây bà N còn nợ chị Phương A số tiền 100.570.000 đồng, bà N xác định có nợ khoản tiền này; căn cứ vào các tài liệu do

bên nguyên đơn là chị Phương A xuất trình nên Tòa án cấp sơ thẩm quyết định buộc bà N phải có trách nhiệm trả nợ chị Phương A số tiền này là có căn cứ.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy đương sự kháng cáo không đưa ra được các tài liệu, căn cứ gì để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không chấp nhận kháng cáo. Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm như đã phân tích ở trên.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Bà Ngô Thị N trên 60 tuổi nên được miễn án dân sự sơ thẩm.

Do yêu cầu khởi kiện của bà Khuất Thị Phương A được chấp nhận nên bà không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Phương A số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Án phí phúc thẩm: Bà Ngô Thị N trên 60 tuổi nên được miễn án dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 117, 119, 463, 465, Điều 466, 468 và Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 2 Luật người cao tuổi;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 13/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã ST và quyết định cụ thể như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Khuất Thị Phương A. Buộc bà Ngô Thị N phải trả cho bà Khuất Thị Phương A số tiền là 2.600.570.00 đồng (*hai tỷ sáu trăm triệu, năm trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Án phí sơ thẩm:

Bà Ngô Thị N được miễn nộp chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Khuất Thị Phương A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 41.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0007099 ngày 16/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã ST , thành phố Hà Nội.

Hoàn trả lại cho bà Khuất Thị Phương A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 2.514.250 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0007103 ngày 17/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã ST , thành phố Hà Nội.

2.2. Án phí phúc thẩm:

Bà Ngô Thị N được miễn chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND thị xã ST ;
- Chi cục THADS thị xã ST ;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Đ.N.L